

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/DS-PT

Ngày: 25/9/2020

*V/v tranh hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất và tài sản gắn liền với đất.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng Dũng

Ông Nguyễn Quyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Lam Điền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh hợp đồng vay tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 210/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thanh M**, sinh năm 1970

Địa chỉ: đường B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: H, phường T, Quận N, thành phố Cần Thơ.

Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2018 tại Văn phòng công chứng N

Bị đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1966 (có mặt).

Hộ khẩu: đường B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: đường X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Có luật sư **Võ Thanh T**, thuộc Văn phòng luật sư Võ Thanh T thuộc Đoàn Luật sư thành phố C, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:

1. Văn phòng Công chứng H (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Mai Lê T**, sinh năm 1958 (có mặt).

Hộ khẩu: đường B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: đường X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan có yêu cầu độc lập:

Ông **Lê Mạnh T1**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực S, phường B, quận N, thành phố Cần Thơ

Người làm chứng: Bà Mai Thị H, Mai Thị V và Phan Thị T (vắng mặt).

Do có kháng cáo của bà Trần Thị L, ông Mai Lê T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Mạnh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày như sau:

Bà Huỳnh Thanh M và bà Trần Thị L do mối quan hệ quen biết nên bà L có hỏi mượn bà M nhiều lần với tổng số tiền 12.390.000.000đồng. Chi tiết 9 lần giao dịch như sau:

Ngày 29/4/2015: 150.000.000đồng

Ngày 22/01/2016: 190.000.000đồng

Ngày 24/4/2016: 50.000.000đồng

Ngày 26/5/2016: 200.000.000đồng

Ngày 30/10/2017: 1.500.000.000đồng

Ngày 07/11/2017: 500.000.000đồng

Ngày 07/11/2017: 2.300.000.000đồng

Ngày 09/01/2018: 3.000.000.000đồng

Ngày 10/02/2018: 4.500.000.000đồng.

Sau lần nhận tiền sau cùng tức ngày 10/2/2018, bà L cam kết miệng sẽ trả đủ số tiền đã nhận từ bà M và ấn định vào ngày 01/3/2018. Nhưng đến thời hạn, bà L không thực hiện theo cam kết và lách mặt trốn tránh nghĩa vụ. Do đó, yêu cầu bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M tổng số tiền đã nhận là 12.390.000.000 đồng.

Bị đơn qua các bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày như sau:

Bà và bà Huỳnh Thanh M có quan hệ bà con, bà M là em vợ của anh chồng bà. Đối với việc vay nợ của bà M, bà đều phải trả lãi 5%/tháng và 15%/tháng(0,5%/ngày) từ năm 2015 và bà đã nhiều lần trực tiếp hoặc thông qua các bạn bè trên thành phố Hồ Chí Minh để trả tiền gốc và lãi cho bà M.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, bà không thống nhất bởi vì số nợ bà đã trả số tiền lên đến 18.564.000.000 đồng cả gốc và lãi. Đã chuyển qua ngân hàng tổng cộng 6.564.000.000 đồng. Một số còn lại là do bà trực tiếp đưa cho vợ chồng bà M và anh ruột Mai Lê Tuấn nhờ trả hộ vì tin tưởng nên không lấy biên nhận.

Theo ông Mai Lê T trình bày: Về tiền bạc, ông hoàn toàn không biết, nếu ông biết sẽ không để lâm vào hoàn cảnh này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập - ông Lê Mạnh T1 trình bày:

Ngày 01/5/2018, vợ chồng ông Mai Lê T có ký hợp đồng tay chuyển nhượng nhà và đất thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 18, 19 đất tọa lạc tại đường B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ giá thỏa thuận chuyển nhượng là 2.500.000.000 đồng; khi ký hợp đồng thì 02 lô đất trên vợ chồng ông T và bà L đang thế chấp tại Ngân hàng nên không làm hợp đồng công chứng được. Đến ngày 01/6/2018, ông T, bà L mới giải chấp được tài sản nên ông và ông T, bà L đến Văn phòng công chứng để làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi ông đến nộp hồ sơ vào Chi nhánh Văn phòng đăng ký để được sang tên thì được biết Tòa án đã có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên không sang tên được. Nay, ông yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và vợ chồng bà L và yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐBPKCTT ngày 05/6/2018.

Theo đại diện Văn phòng Công chứng H trình bày:

Vào ngày 01/6/2018, Văn phòng có nhận được phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Trần Thị L để chuyển nhượng cho ông Lê Mạnh T1. Sau khi kiểm tra đối chiếu giấy tờ chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều là bản chính, tại thời điểm công chứng các bên giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị lừa dối hay ép buộc. Công chứng viên đã giải thích quyền lợi và nghĩa vụ khi ký hợp đồng này, các bên đã đọc lại và đồng ý đã ký vào hợp đồng này trước sự có mặt của công chứng viên. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số Công chứng 3983, 4003 quyền số 04 ký ngày 01/6/2018 phù hợp và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, văn phòng công chứng xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: bà Mai Thị H, Mai Thị V và Phan Thị T trình bày: Vào ngày 26/4/2018, bà Trần Thị L tuyên bố vỡ nợ. Đến ngày 30/4/2018, bà M đến nhà yêu cầu bà L viết biên nhận nợ 4 tỷ 500 triệu đồng mà thực tế không đưa tiền, việc ký biên nhận được ký tại bàn ăn nhà bà L, nội dung do bà M đọc cho bà L viết. Đối với việc bà M có cho bà L vay mượn tiền hay không các bà không được biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là rút lại yêu cầu khởi kiện theo biên nhận ngày 29/4/2015 với số tiền 150 triệu đồng vì chưa tìm được biên nhận gốc; xin nhận lại biên nhận 1 tỷ đồng ngày 28/02/2018 để khởi kiện sau vì biên nhận này không nằm trong phạm vi khởi kiện ngày 28/4/2018. Đồng ý khấu trừ số tiền 3 tỷ 7 đồng theo các lần chuyển tiền qua hệ thống Ngân hàng N và 1.864.500.000đồng theo các lần chuyển tiền qua hệ thống Ngân hàng Sài Gòn C (do những người khác đã chuyển theo yêu cầu của bị đơn) cho bị đơn và yêu cầu phía bị đơn bà L phải chịu trách nhiệm đối với số tiền này thì nguyên đơn sẽ cản trừ cho bị đơn, yêu cầu bị đơn bà L trả số tiền 6.675.500.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

**Luật sư Võ Thanh T, thuộc Văn phòng luật sư Võ Thanh T, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tranh luận:* Bà L chỉ thống nhất số nợ với bà M theo các biên nhận nợ ngày 30/10/2017; 07/11/2017; 09/01/2018 và bà L đã trả vốn, lãi đầy đủ cho bà M. Các biên nhận còn lại, bà L xác nhận đúng chữ ký của bà nhưng các biên nhận này không ghi tên của bên cho vay hoặc không ghi ngày tháng viết biên nhận nợ này đã viết cho bà M nên không đồng ý trả cho bà M. Riêng biên nhận ngày 10/02/2018 với số tiền 4 tỷ 500 triệu đồng, bà viết cho bà M là do vào thời điểm đó bà đang bị nhiều người đòi nợ cùng lúc nên bà M đã thỏa thuận viết biên nhận nợ 4 tỷ 500 triệu đồng cho bà M, để khi xảy ra việc xử lý tài sản trả nợ bà M được tỷ lệ cao sẽ giúp vợ chồng bà L giữ được một phần tài sản cho mình. Nhưng biên nhận nợ này, bà L viết cho bà M vào ngày 30/4/2018 là ngày sau khi bà đã tuyên bố vỡ nợ chứ không phải ngày 10/02/2018 như biên nhận đang thể hiện. Biên nhận này là bà bị bà M ép buộc ký trong trường hợp nhiều người đòi nợ nên tinh thần không ổn định. Biên nhận này đã bị bà M sửa ngày nên bà không đồng ý với biên nhận này. Đối với việc trả nợ cho bà M theo kết quả thu thập chứng cứ tại Ngân hàng N và Ngân hàng Sài Gòn C theo trình bày của nguyên đơn vẫn còn thiếu 01 tỷ đồng theo kết quả chuyển tiền qua hệ thống Mobiletransfer vào ngày 19/4/2018. Như vậy, đối chiếu việc bà L trả nợ gốc và lãi cho bà M là vượt số nợ nên bà L không còn trách nhiệm với bà M.

Đối với giao dịch chuyển nhượng với ông Lê Mạnh T1 là giao dịch có thật, ông T1 đã trả đủ tiền, việc Tòa án quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản của vợ chồng mà chưa xem xét đến công sức đóng góp đối với khối tài sản chung này là chưa phù hợp quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của ông T1.

**Ông Lê Mạnh T1:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập.

**Ông Mai Lê T:* ông hoàn toàn không biết đối với nợ của nguyên đơn. Riêng yêu cầu độc lập của ông T1 thì ông đề nghị tiếp tục hợp đồng.

Tòa án không hòa giải được nên đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 115/2019/DSST ngày 19 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thanh M đối với bị đơn bà Trần Thị L. Buộc bà Trần Thị L có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thanh M số tiền 6.675.500.000đồng (Sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lê Mạnh T1 đối với bị đơn bà Trần Thị L và ông Mai Lê T. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐBPKCTT ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí đo đạc, án phí và quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Không đồng ý với án sơ thẩm, cùng ngày 25/11/2019, bà Trần Thị L, ông Mai Lê T và ông Lê Mạnh T1 cùng có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn trình bày: Bà có vay và đã trả vốn, lãi đầy đủ cho bà M. Đối với biên nhận nợ ngày 10/2/2018, bà L viết cho bà M vào ngày 30/4/2018 là ngày sau khi bà đã tuyên bố vỡ nợ chứ không phải ngày 10/02/2018 như biên nhận đang thể hiện. Biên nhận này đã bị bà M sửa ngày nên bà không đồng ý với biên nhận này. Đối với việc trả nợ cho bà M chưa khấu trừ số tiền 01 tỷ đồng chuyển tiền qua hệ thống Mobiletransfer vào ngày 19/4/2018. Nay nếu Tòa án xác định người chuyển có tên là bà Nguyen Thi Mong D thì đề nghị đối chất để xác định xem người này có quan hệ gì với bà M hay là tay em của những người ở Thành phố Hồ Chí Minh là bà Mai Hương và nếu như vậy thì đề nghị bà M cần trừ số nợ này cho bà.

Theo ông Mai Lê T: ông kháng cáo và đề nghị Tòa án xét lại tư cách của ông trong vụ kiện này vì ông không phải là bị đơn. Ông đề nghị có sự đối chất giữa bà M, bà L và bà Tuyên để làm sáng tỏ các vấn đề còn khúc mắc trong vụ kiện này.

Yêu cầu xét lại biên nhận số tiền 4,5 tỷ đồng vì biên nhận là chính nguyên đơn sửa chữa nên có sự gian dối, không chấp nhận biên nhận này. Số tiền chuyển khoản qua ngân hàng 01 tỷ đồng nếu đúng của bà H nhờ tay em chuyển thì bà M

phải khấu trừ cho bà L. Đồng thời, ông cho rằng tài sản chuyển nhượng cho ông T1 là của vợ chồng ông và ông không còn nợ bà L tiền nên yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng của ông T1, hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo: ông yêu cầu công nhận 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền nhà và đất tại địa chỉ 211/6C đường B, phường H, quận N tại thửa đất số 24A – 18B tờ bản đồ số 18 - 19 và thửa đất số 241, tờ bản đồ số 19 đất tọa lạc tại thửa 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐBPCKTT ngày 05/6/2018.

**Luật sư Võ Thanh T, thuộc Văn phòng luật sư Võ Thanh T, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tranh luận:* Bà L đã trả vốn, lãi đầy đủ cho bà M. Đề nghị xem xét lại ba vấn đề:

Đối với biên nhận ngày 10/02/2018 với số tiền 4 tỷ 500 triệu đồng, bà L viết cho bà M là do vào thời điểm đó bà L đang bị nhiều người đòi nợ cùng lúc nên bà M đã thỏa thuận viết biên nhận nợ 4 tỷ 500 triệu đồng cho bà M, để khi xảy ra việc xử lý tài sản trả nợ bà M được tỷ lệ cao sẽ giúp vợ chồng bà L giữ được một phần tài sản cho mình. Nhưng biên nhận nợ này, bà L viết cho bà M vào ngày 30/4/2018 là ngày sau khi bà đã tuyên bố vỡ nợ chứ không phải ngày 10/02/2018 như biên nhận đang thể hiện. Biên nhận này đã bị bà M sửa ngày nên bà L không đồng ý với biên nhận này.

Đối với việc trả nợ cho bà M theo kết quả thu thập chứng cứ tại Ngân hàng N về số tiền 01 tỷ đồng qua hệ thống Mobiletransfer vào ngày 19/4/2018. Cấp sơ thẩm không xác định được họ tên người chuyển tiền qua hệ thống ngân hàng và cho đến nay mới thu thập được trả lời mới nhất của Ngân hàng là khoản tiền này được chuyển từ bà Nguyen Thi Mong D. Đối với người này luật sư đề nghị không hoãn phiên tòa mà dừng lại để phía người đại diện của bà M hỏi rõ, xác minh lại thêm xem giữa bà M và bà D này có quan hệ làm ăn gì hay không vì rất có thể bà D là tay em của bà H nếu tách không cản trừ để sau này khởi kiện lại sẽ làm tốn kém thời gian, tiền bạc của các bên trong quá trình giải quyết lại sau này.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: luật sư cho rằng Quyết định chia đôi căn nhà để áp dụng là không hợp lý vì căn cứ theo khoản 1 Điều 12 và Điều 122 Luật Nhà ở: thời điểm công chứng chứng thực thì giao dịch giữa các bên đã có hiệu lực pháp luật nên khi các bên đã giao kết xong thì Tòa án không thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong trường hợp này. Đối với phần đất thì căn cứ vào Chỉ thị 03 ngày 30/12/2019 theo hướng dẫn rút kinh

nghiệm của Tòa án nhân dân Tối cao chỉ ra những sai sót của Tòa án khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, cấp sơ thẩm áp dụng phong tỏa 1 phần tài sản chung chưa chia là vi phạm. Vì vậy, đề nghị hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này.

Đại diện nguyên đơn trình bày: ông T1, ông T và bà L kháng cáo xoay quanh 3 vấn đề xem xét lại số tiền 4,5 tỷ đồng, khấu trừ chuyển tiền 01 tỷ đồng thông qua ngân hàng và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Luật sư bị đơn viện dẫn Chỉ thị số 03 là đã có sự nhầm lẫn vì hai mốc thời gian tố tụng khác nhau, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp vào năm 2018; trong khi Chỉ thị được ban hành ngày 30/12/2019. Giao dịch chuyển nhượng của ông T và bà L có dấu hiệu trốn thuế và trốn tránh nghĩa vụ đối với bà M. Quyết định được ban hành có hiệu ngay và đã được giải quyết khiếu nại theo đúng trình tự nên không thể đặt ra xem xét lại. Bà L có nghĩa vụ trả nợ nên áp dụng phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là đúng.

Đối với khoản tiền 4,5 tỷ đồng: Bà L đã có ý kiến xác định các chữ ký và chữ viết trong biên nhận là của bà L (tại Bút lục số 156). Việc trình bày của bà L và các nhân chứng xác định thời gian viết biên nhận là ngày 30/4/2018 cũng không có căn cứ vì Kết luận giám định xác định ngày trong biên nhận là viết năm 2017. Xuyên suốt trong quá trình tố tụng bà L thừa nhận chữ viết, chữ ký. Việc sửa ngày không làm thay đổi được bản chất của vấn đề; kết luận giám định bà L cũng không khiếu nại. Tại giai đoạn điều tra bà L cũng thừa nhận còn nợ bà M số tiền lên đến 11 tỷ đồng, điều này phù hợp với các biên nhận bà M đã khởi kiện.

Đối với số tiền 01 tỷ đồng chuyển tại Ngân hàng N: Tòa sơ thẩm đã dừng phiên tòa ba lần và phúc thẩm dừng phiên tòa hai lần để bà L cung cấp chứng cứ nhưng bà L không thực hiện. Số tiền này không liên quan gì đến bà Mai Hương như trình bày của bà L tại hồ sơ. Đại diện nguyên đơn cũng xác định đã hỏi ý kiến của bà M về quan hệ làm ăn giữa bà M với bà D - người được xác định có chuyển tiền thì không liên hệ trực tiếp với bà L, vụ việc đã kéo dài trên 3 năm nên yêu cầu giải quyết dứt điểm. Nếu bà L sau này chứng minh được việc chuyển tiền này có liên quan đến bà M thì bà L có quyền khởi kiện đối với bà M. Vì vậy, ông yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa:*

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của các đương sự đều trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo:

Xét kháng cáo của bà L: tại giai đoạn phúc thẩm phía bị đơn có yêu cầu giám định biên nhận ngày 14/02/2018 vì cho rằng biên nhận này đã bị sửa chữa ngày tháng năm. Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 03 ngày 25/6/2010 về việc sửa chữa số, để xác định ngày tháng ghi trong biên nhận sau khi sửa chữa là ngày tháng nào. Theo Kết luận số 62 ngày 06/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công An thành phố C xác định: có dấu hiệu sửa chữa tại vị trí dòng 6 ngày 14/02/2018 trên tài liệu cần giám định. Nội dung nguyên thủy trước khi bị sửa chữa xác định được là ngày 30/01/2017. Nhưng việc sửa chữa trên tài liệu có phải do cùng một người viết ra hay không thì không có cơ sở để kết luận.

Từ nội dung này, lời khai của các bên có những vấn đề cần đánh giá như sau: Biên nhận gốc đã được chỉnh sửa là ngày 30/01/2017; người làm chứng như bà H, bà V và bà T đã khai là hoàn toàn không đúng với chứng cứ này. Hơn nữa, Bị đơn đã ký biên nhận trong thời điểm nào thì cũng phải chịu trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn yêu cầu xác minh số tiền 01 tỷ đồng nhưng phía bị đơn không cung cấp được địa chỉ để liên hệ với bà H và luôn khẳng định số tiền này được bà H chuyển cho bà M. Nay cấp phúc thẩm thu thập được tên người chuyển tiền tại Ngân hàng N là bà D. Viện kiểm sát không chấp nhận dừng phiên tòa vì đã được làm rõ. Nếu sau này có chứng cứ bà L có quyền yêu cầu khởi kiện thành vụ kiện khác.

Xét kháng cáo của Ông T: Đối với tư cách tham gia tố tụng ông T kháng cáo là có căn cứ nên chấp nhận, xác định ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không phải là bị đơn. Sai sót này không lớn nên nêu ra chỉnh lại trong bản án phúc thẩm là phù hợp, cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Xét kháng cáo của bà L, Ông T, ông T1: Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Các tài sản được phong tỏa là của bà L và ông T và Tòa án áp dụng phong tỏa $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung: Thấy rằng:

Xét đối với phần giao dịch chuyển nhượng nhà đất thì Hợp đồng chuyển nhượng nhà sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm công chứng, không có cơ sở để ngăn chặn. Tuy nhiên, cũng phân tích thêm phần nhà và đất gắn liền và có liên quan đến tài sản chung vợ chồng nên đề nghị xem xét đánh giá.

Đối với số tiền nguyên đơn có thay đổi cần điều chỉnh lại số tiền trong Quyết định cho phù hợp với số tiền được chấp nhận. Vì vậy, cần duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bà L đối với bà M về phần

đất và điều chỉnh số tiền phù hợp với số tiền được chấp nhận, giải quyết đối với Quyết định buộc bảo đảm để nguyên đơn nhận lại tiền khi án có hiệu lực. Và không chấp nhận kháng cáo của ông T và ông T1 về vấn đề này.

Từ những phân tích trên: đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: giữ y 1 phần bản án như đã phân tích, sửa một phần về tư cách ông T và sửa 1 phần về số tiền trong Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giải quyết đối với Quyết định buộc bảo đảm để nguyên đơn nhận lại tiền khi án có hiệu lực

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ; ông Lê Mạnh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất đã ký với các bị đơn. Cấp sơ thẩm xác định các quan hệ tranh chấp được giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất” theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp. Do bị đơn có địa chỉ và tài sản ở quận Ninh Kiều nên Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Xét đơn kháng cáo của các đương sự đã được nộp tạm ứng trong hạn luật định nên được xem xét về mặt hình thức. Về nội dung để xét kháng cáo lần lượt của các đương sự cần thiết đánh giá với tổng thể các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ kiện, lời khai của các đương sự và các chứng cứ khác.

[3]. Xét về nội dung kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L: Giữa hai bên đã đưa ra những lập luận cho trình bày của mình khác nhau, trên cơ sở đó Hội đồng xét tính hợp pháp và có căn cứ trong lời trình bày của hai bên. Thấy rằng:

[3.1]. Đối chiếu các biên nhận nợ, lời khai của các bên không thống nhất nên cần đánh giá, đối chiếu lại toàn bộ quá trình giao dịch của các bên: Tổng cộng nguyên đơn khởi kiện đòi nợ dựa theo 9 biên nhận và đến phiên tòa nguyên đơn rút lại 2 biên nhận, cấp sơ thẩm nhận định chấp nhận là phù hợp.

[3.2]. Như vậy, cần xem xét tính hợp pháp của 7 biên nhận còn lại và trong số đó, phía bị đơn thừa nhận 3 biên nhận: Phiên tòa sơ thẩm, Bị đơn thừa nhận cụ thể 3 biên nhận ngày 30/10/2017 vay 1 tỷ 500 triệu đồng; ngày 07/11/2017 vay 2,3 tỷ đồng và biên nhận ngày 09/01/2018 vay 3 tỷ đồng nhưng đã trả vốn và lãi cho nguyên đơn.

[3.3]. Trong các biên nhận còn lại, bị đơn đều thừa nhận các chữ ký và chữ viết và đã được các bên cung cấp, đối chiếu bản chính. Phía bị đơn còn xác nhận các biên nhận do nguyên đơn cung cấp đúng là chữ ký của bà và đồng thời còn xác định tên Huỳnh Thanh M1 bà viết trong biên nhận là Huỳnh Thanh M. Còn các biên nhận còn lại bà xác nhận đúng chữ ký của bà nhưng các biên nhận này không ghi tên của bên cho vay hoặc không ghi ngày tháng viết biên nhận mà trong thời gian đó bà thiếu nợ và ghi biên nhận cho nhiều người nên không xác định được biên nhận đó viết cho ai, do đó, bà không thừa nhận các biên nhận này đã viết cho bà M nên không đồng ý trả nợ cho bà M.

[3.4]. Riêng biên nhận ngày 10/02/2018 (chính xác là ngày 14/02/2018) với số tiền 4,5 tỷ đồng, bà L xác định khi viết cho bà M là do thời điểm đó bà đang bị nhiều người đòi nợ cùng lúc nên bà và bà M đã thỏa thuận viết biên nhận nợ này cho bà M để khi xảy ra sự việc xử lý tài sản trả nợ bà M được tỷ lệ cao sẽ giúp vợ chồng bà giữ lại một phần tài sản. Nhưng biên nhận này bà L viết vào ngày 30/4/2018 là sau ngày bà bị vỡ nợ chứ không phải ngày 10/2/2018 như trên biên nhận thể hiện, biên nhận này bà M đã sửa ngày nên bà không đồng ý với biên nhận này.

[4]. Bị đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại biên nhận ngày 10/02/2018 (chính xác là ngày 14/02/2018). Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn có yêu cầu giám định biên nhận ngày 14/02/2018 vì cho rằng biên nhận này đã bị sửa chữa ngày tháng năm. Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 03/2020/QĐ ngày 25/6/2010 về việc sửa chữa số, để xác định ngày tháng ghi trong biên nhận sau khi sửa chữa là ngày tháng nào. Theo Kết luận số 62/KLGĐ - PC 09 ngày 06/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công An thành phố C xác định: có dấu hiệu sửa chữa tại vị trí dòng 6 ngày 14/02/2018 trên tài liệu cần giám định. Nội dung nguyên thủy trước khi bị sửa chữa xác định được là ngày 30/01/2017. Nhưng việc sửa chữa trên tài liệu có phải do cùng một người viết ra hay không thì không có cơ sở để kết luận.

Từ nội dung này, lời khai của các bên đánh giá như sau: Nguyên đơn khởi kiện theo biên nhận ngày 14/02/2018, đại diện nguyên đơn xác định biên nhận này do bà M sửa chữa ngày. Tuy nhiên, bị đơn lại cho rằng biên nhận ngày 14/02/2018 số tiền vay 4,5 tỷ đồng được ký vào ngày 30/4/2018 khi bà đã tuyên bố vỡ nợ là không đúng như kết quả đã giám định kết luận. Lời khai mà Bà L cho rằng thời điểm đó bà bị nhiều người đòi nợ cùng một lúc nên thỏa thuận với bà M viết biên nhận này để khi xảy ra sự việc xử lý tài sản trả nợ bà M được tỷ lệ cao sẽ giúp vợ chồng bà giữ lại một phần tài sản cho mình.

Tuy nhiên, kết quả giám định bị sửa số ngày và biên nhận nguyên thủy là ngày 30/01/2017. Như vậy, đủ cơ sở để khẳng định biên nhận được viết lúc này chưa có sự việc bề nợ và như vậy lý giải của bà L là không hợp lý. Đồng thời, lời khai của những người làm chứng như bà Mai Thị H, Mai Thị V và Phan Thị T cho rằng ngày 30/4/2018 bà M đến nhà bà L viết biên nhận nợ ngay tại bàn ăn là hoàn toàn không đúng như kết quả ngày trong biên nhận.

Thấy rằng, bà L đã ký biên nhận và trong thời điểm nào thì vẫn phải chịu trách nhiệm với chữ ký của mình nếu không chứng minh được đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Dựa vào sự phân tích như nêu trên, có cơ sở để khẳng định việc bà L đã ký vào các biên nhận là có thật và vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định buộc trả tiền theo biên nhận này là phù hợp và trong trường hợp này nguyên đơn không cần phải chứng minh theo khoản 5 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự. Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xem xét lại biên nhận 4,5 tỷ đồng này của bà L.

[5]. Đối với việc bà L cho rằng các biên nhận còn lại không phải do bà viết cho bà M và cũng không vay tiền của bà M như án sơ thẩm phân tích từ các tài liệu trong hồ sơ thì có thể thấy rằng: Trong biên bản công khai tiếp cận chứng cứ các biên nhận gốc ngày 13/3/2019, bà L xác nhận đã được tiếp cận bản gốc các biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp và tất cả đều là chữ ký và chữ viết của bà. Khi bà L đã ký tên vào các biên nhận nợ, bà L phải chịu trách nhiệm đối với biên nhận nợ đã ký, còn việc ai giữ biên nhận, hay không ghi rõ tên người cho vay cũng không làm thay đổi nghĩa vụ của bà L đối với biên nhận đó. Trong trường hợp này, bà M đang giữ các biên nhận nợ do chính bà L ký tên thì bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà M theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét kháng cáo đối với việc cản trở thêm số tiền 01 tỷ đồng đã chuyển theo kết quả chuyển tiền qua hệ thống Mobiletransfer vào ngày 19/4/2018 vào tài khoản của nguyên đơn tại Ngân hàng N. Cấp sơ thẩm không ghi nội dung chuyển tiền mục đích gì, ai chuyển tiền nên không đặt ra xem xét. Tại cấp phúc thẩm bị đơn tiếp tục đề cập về số tiền này.

[6.1]. Tòa án có Công văn số 278/CV.TA ngày 27/4/2020, yêu cầu Ngân hàng hỗ trợ tra cứu và cung cấp thông tin các lần chuyển khoản vào số tài khoản của nguyên đơn vào thời điểm tháng 4/2018 mà cụ thể là vào ngày 19/4/2018 ai là người chuyển khoản, nội dung chuyển khoản số tiền 01 tỷ đồng qua giao dịch tại ngân hàng. Tại văn bản trả lời số 178 ngày 05/05/2020; Ngân hàng xác định cung cấp sao kê tài khoản là ngày 19/04/2018, số giao dịch người chuyển khoản là Nguyen Thi Mong D chuyển số tiền 01 tỷ đồng qua hệ thống Mobiletransfer.

[6.2]. Như vậy, trong trường hợp này người chuyển tiền là bà D, người này có quan hệ cụ thể như thế nào với nguyên đơn và bị đơn các bên không đề cập đến

trong qua trình xét xử sơ thẩm. Việc nhờ chuyển tiền qua hệ thống Ngân hàng, số tiền đến tài khoản của người nhận nhưng không ghi cụ thể lý do chuyển cho mục đích gì.

[6.3]. Quan điểm của luật sư bị đơn đề nghị không hoãn phiên tòa mà dừng lại để phía người đại diện của bà M hỏi rõ, xác minh lại thêm xem giữa bà M và bà D này có quan hệ làm ăn gì hay không vì rất có thể bà D là tay em của bà H nếu tách ra buộc trả, không khấu trừ để sau này khởi kiện lại sẽ làm tổn kém thời gian, tiền bạc của các bên trong quá trình giải quyết lại sau này. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn cho rằng giao dịch với bà D không liên quan gì với bà H, bà M đã xác định việc này nên không cần thiết hỏi xác minh lại mà vì đã xác định không liên quan, hơn nữa vụ án kéo dài quá lâu và nếu sau này phía bà L chứng minh được thì bà L có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác. Viện kiểm sát cũng đề nghị không dừng phiên tòa và quan điểm của Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát vì vụ kiện đã kéo dài mà bị đơn không cung cấp địa chỉ, cũng như các mối liên hệ của bà M với bà H hay bà D nên nếu kéo dài tuyên án cũng không làm thay đổi bản chất vụ việc. Tuy nhiên cũng phân tích như án sơ thẩm nếu sau này bà L chứng minh được khoản tiền nêu trên nhờ bà D chuyển thay thì có quyền yêu cầu khởi kiện đối với bà M thành một vụ kiện khác, và như vậy, mới đảm bảo quyền của các bên.

[7]. Xét kháng cáo của phía ông Mai Lê T về việc đề nghị không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn, ông T không bị nguyên đơn khởi kiện, không ký biên nhận nợ vay nên yêu cầu này là có căn cứ nên chấp nhận xác định quan hệ tư cách của ông T trong trường hợp vụ kiện này là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ hợp lý. Cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm trong việc xác định tư cách đương sự.

Việc ông T yêu cầu được đối chất với bà Tuyên, bà M tại phiên tòa không thể thực hiện được vì bà M có người đại diện và bà Tuyên không phải là người trực tiếp liên quan trong vụ kiện này, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông T.

[8]. Xét kháng cáo của ông Mai Lê T và ông Lê Mạnh T1:

Phía ông T1 yêu cầu công nhận 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền nhà đất và yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐBPCKTT ngày 05/6/2018.

Phía ông T đề nghị tuyên hủy quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời vì cho rằng nếu tách $\frac{1}{2}$ tài sản không áp dụng biện pháp nên phần tài sản của ông cũng không giao dịch được và ông không có nợ tiền của bà M. Ông cho rằng đây là khối tài sản ông tạo chung nhưng công sức đóng góp nhiều hơn nên Tòa tự ý phân chia

$\frac{1}{2}$ là làm thiệt hại quyền lợi của ông. Yêu cầu của ông T và yêu cầu của ông T1 tương tự nhau nên bản án phân tích xét kháng cáo của 2 ông trong cùng lập luận phân tích để bản án không trùng lặp và có xem xét quyền lợi gắn liền của cả hai bên. Thấy rằng:

[9]. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở giữa các bên tuy đã được công chứng, chứng thực, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Tuy vậy, tài sản thỏa thuận chuyển nhượng là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở nên cần áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 2013 và Luật nhà ở năm 2014 để xác định thời điểm có hiệu lực, thời điểm chuyển giao quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, từ đó đánh giá tính có căn cứ của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của cấp sơ thẩm.

[10]. Theo quy định tại Điều 503 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *“hiệu lực của việc chuyển quyền sử dụng đất kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật đất đai”* và tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 quy định *“việc quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào Sổ địa chính”*. Điều đó đủ cơ sở để xác định việc chuyển nhượng của ông T1 chưa đáp ứng điều kiện có hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật đất đai nên không làm phát sinh thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm xác lập giao dịch.

[11]. Hồ sơ thể hiện, thời điểm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì 02 phần nhà và đất nêu trên chưa tiếp nhận hồ sơ đăng ký thế chấp cũng như hồ sơ đăng ký chuyển quyền sở hữu dựa trên kết quả xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Ninh Kiều. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Điều 111 về quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; Điều 133 Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và tài sản bị phong tỏa là tài sản người có nghĩa vụ là phù hợp.

[12]. Cần phân tích thêm, số tiền tổng giá trị 2 tài sản chuyển nhượng tài sản nêu trên được ông T1 xác định là 2,5 tỷ đồng. Nhưng, do đây là tài sản của vợ chồng nên khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ phong tỏa $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bà L, giá trị còn lại không bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì các bên vẫn có thể tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, đây là tài sản không thể tách rời và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên đang bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên theo quy định của pháp luật không được phép chuyển dịch. Do đó, việc ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông và vợ chồng bà L được tiếp tục thực hiện hợp đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên, các bên vẫn có thể tiếp tục thực hiện hợp đồng sau khi bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Phần diện tích $\frac{1}{2}$ trong khối tài sản chung là của ông Mai Lê T sẽ được đảm bảo cho Hợp đồng chuyển nhượng của ông T1 với bà L và ông T. Nếu vi phạm hợp đồng, ông T1 có quyền khởi kiện ông T và bà L để yêu cầu bồi thường thiệt hại từ Hợp đồng chuyển nhượng cho ông T1 nếu có thiệt hại.

[13]. Cần phân tích thêm vấn đề Luật sư bị đơn cho rằng Toà án cấp sơ thẩm vi phạm khi áp dụng phong toả một phần đất theo tiêu mục 3 trong phần 1.3 của Chỉ thị 03/2018 ngày 30/13/2019. Thấy rằng: trong trường hợp này, cấp sơ thẩm khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong toả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo quy định của Điều 133 Bộ luật tố tụng dân sự và nêu rõ phong toả $\frac{1}{2}$ giá trị, tương ứng $\frac{1}{2}$ giá trị này là xuất phát từ tài sản chung chưa chia, chứ không phải phong toả 1 phần tài sản như Luật sư viện dẫn. Điều này có thể gây sự nhầm lẫn khi phân tích, suy luận.

Hơn nữa, quyết định cũng nêu cụ thể là tạm giữ số tiền của bà L đang nợ bà M trong trường hợp tài sản đã được chuyển nhượng thì cũng phải đáp ứng điều kiện trên. Như vậy, quyết định nêu rất rõ giá trị mà người có nghĩa vụ sẽ phải thực hiện. Tuy nhiên, số tiền của thời điểm ghi nhận trong Quyết định là ngay thời điểm khởi kiện. Đến giai đoạn hiện nay, số tiền đã được đối chiếu tuyên buộc như đã phân tích nêu trên, vì vậy, cấp phúc thẩm khi xem xét duy trì quyết định này thì cần phải sửa lại số tiền căn cứ theo số tiền được chấp nhận trong bản án.

[14]. Đối với việc đề nghị căn cứ Luật nhà ở, để xác định thời điểm công chứng, chứng thực đối với nhà ở có hiệu lực để huỷ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Thấy rằng: trong trường hợp này phần nhà gắn liền với đất nên không thể tách bạch phần nhà có hiệu lực để huỷ Quyết định về phần nhà như đề nghị mà thấy rằng cần phải duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với 2 phần tài sản như trong quyết định. Như vậy, Quyết định này sẽ được duy trì cho đến khi bản án có hiệu lực và sẽ được hủy bỏ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án. Đến giai đoạn thi hành án, khi 2 phần tài sản này được định giá, phát mãi thì sẽ chỉ áp dụng trên $\frac{1}{2}$ tài sản (hoặc $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản) thuộc phần bà L để thi hành án; trong trường hợp này cho thấy quyền lợi của ông T vẫn được đảm bảo.

[15]. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có như vậy mới góp phần giải quyết yêu cầu cấp bách, bảo vệ quyền về tài sản, tránh gây thiệt hại đảm bảo cho việc thi hành án đúng bản chất và tinh thần thượng tôn pháp luật. Trong phạm vi này nếu chỉ cứng nhắc cho rằng tài sản này chưa được phân chia, tài sản chuyển nhượng liên quan đến nhà có hiệu lực ngay thời điểm công chứng thì sẽ không đảm bảo được tính cấp bách, bảo vệ quyền lợi cho người được thi hành án để thu hồi nợ

và việc không áp dụng ngay biện pháp khẩn cấp thì tài sản đảm bảo cho việc thi hành án cũng không còn.

[16]. Thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ kiện, các đương sự đã có những đối chiếu số liệu và nguyên đơn đã thay đổi và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, khấu trừ những khoản tiền bà L đã chuyển trả được nên số nợ vay được chấp nhận buộc bà L có nghĩa vụ thanh toán chỉ còn là 6.675.500.000đồng.

[17]. Vì vậy, tuy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà M về việc tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Nhưng cần sửa lại đoạn sau của quyết định “Cụ thể là tạm giữ số tiền 6.675.500.000đồng của bà Trần Thị L thiếu của bà Huỳnh Thanh M trong trường hợp tài sản vừa nêu trên được chuyển nhượng, mua bán, thế chấp hoặc trong trường hợp tặng cho thì cũng phải đáp ứng điều kiện trên” mới phù hợp với số tiền bị đơn bà L đã được bản án sơ thẩm tuyên buộc trách nhiệm.

[18]. Ngoài ra, theo quy định khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/6/2018 sẽ không còn hiệu lực.

Án sơ thẩm chưa giải quyết đối với số tiền bà M đã nộp khi thực hiện nghĩa vụ bảo đảm nên trong bản án phúc thẩm này, khi yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần bổ sung giải quyết hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm số 05/2018/QĐ-BPBD ngày 05/6/2018. Bà M được nhận lại số tiền 250.000.000 đồng đã nộp biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP H – chi nhánh C khi bản án có hiệu lực.

[19]. Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L, ông T1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu kháng cáo của ông T về thay đổi địa vị tố tụng.

[20]. Chi phí tố tụng: định giá ở cấp sơ thẩm, tổng số tiền chi phí là 6.000.000 đồng, phía ông T1 đã tạm nộp trước đã tuyên buộc ông T1 phải chịu là phù hợp. Về chi phí giám định chữ số ở giai đoạn phúc thẩm là 4.000.000đồng. Bị đơn đã tạm nộp trước và kết luận giám định xác định có sự sửa số nhưng không làm thay đổi nội dung vụ kiện nên bị đơn phải chịu chi phí này và đã nộp xong.

[21]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Trần Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định. Ông Mai Lê T, được chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo nên không phải chịu án phí phúc thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí .

[22]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã phân tích nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lê Mạnh T1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Mai Lê T về việc thay đổi địa vị tố tụng

1. Sửa tư cách tham gia tố tụng của Ông Mai Lê T: Ông Mai Lê T được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ không phải là bị đơn như án sơ thẩm đã tuyên nên sửa lại tư cách ông Mai Lê T trong bản án phúc thẩm.

2. Giữ y 1 phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm trả nợ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thanh M đối với bị đơn bà Trần Thị L. Buộc bà Trần Thị L có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thanh M số tiền 6.675.500.000 đồng (Sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập của ông Lê Mạnh T1 đối với bị đơn bà Trần Thị L và ông Mai Lê T.

4. Sửa một phần trong Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 04/2018/QĐ – BPKCTT ngày 05/6/2018, cụ thể: Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ – BPKCTT ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều và Sửa một phần nội dung của Quyết định như sau: “Phong tỏa ½ giá trị tài sản gồm: Tài sản thứ 1: Phần đất tại địa chỉ đường B, phường H, quận N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 145214 (Số vào sổ cấp GCN: CH00188), thửa đất số 241, tờ bản đồ số 19 do UBND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp ngày 24/02/2010 cho ông Mai Lê T, bà Trần Thị L đứng tên. Tài sản thứ 2: Nhà và đất tại địa chỉ 211/6C đường B, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ

theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số tại thửa đất số 5401141709 (hồ sơ gốc số 09/2003), thửa đất số 24A – 18B tờ bản đồ số 18 - 19 do UBND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp ngày 24/3/2003 cho ông Mai Lê T, bà Trần Thị L đứng tên. *Cụ thể là tạm giữ số tiền 6.675.500.000 đồng (Sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm ngàn đồng)* của bà Trần Thị L thiếu của bà Huỳnh Thanh M trong trường hợp tài sản vừa nêu trên được chuyển nhượng, mua bán, thế chấp hoặc trong trường hợp tặng cho thì cũng phải đáp ứng điều kiện trên”. Các phần khác của Quyết định giữ nguyên.

Khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/6//2018 sẽ không còn hiệu lực,

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm số 05/2018/QĐ-BPBD ngày 05/6/2018. Bà M được nhận lại số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) đã nộp biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng thương mại cổ phần H chi nhánh C khi bản án có hiệu lực.

5. Chi phí tố tụng:

Về chi phí thẩm định, định giá thị trường ở cấp sơ thẩm: ông Lê Mạnh T1 phải chịu là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), phía ông T1 nộp trước xong.

Về chi phí giám định chữ số tại cấp phúc thẩm là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Bị đơn đã tạm nộp trước và kết luận giám định xác định có sự sửa số nhưng không làm thay đổi nội dung vụ kiện nên bị đơn phải chịu chi phí này và đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị L phải chịu 114.675.500 đồng (một trăm mười bốn triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng); ông Lê Mạnh T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chuyển số tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 007918 ngày 13/6/2018 thành án phí. Nguyên đơn bà Huỳnh Thanh M được nhận lại 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 007772 ngày 10/5/2018 tại Chi cục thi hành án quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị L và ông Lê Mạnh T1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L, ông M đã nộp theo các biên lai thu số 002067 và biên lai thu 002066 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Bà L, ông M đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Mai Lê T không phải chịu án phí phúc thẩm nên được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002068 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 25/9/2020.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THA.DS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang